

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2020/DS-PT
Ngày: 11 - 3 - 2020
V/v tranh chấp hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Út
Các Thẩm phán: Bà Bùi Thị Phương Loan
Ông Nguyễn Thành Lập

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Trà My – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Vào ngày 11 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2020/TLPT-DS ngày 31 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hội”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 72/2020/QĐPT-DS ngày 18 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Ngọc T, sinh năm 1970; Cư trú tại: Khóm 4, thị trấn U Minh, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị L, sinh năm 1971 và ông Lê Hoàng P, sinh năm 1968 (Có mặt).

Cùng cư trú tại: Khóm 1, thị t, huyện U, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị L – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/4/2019 và các lời trình bày trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lâm Ngọc T trình bày:

Vào ngày 16/4/2019 âm lịch bà có mở dây hội loại hội 10.000.000 đồng/tháng, tổng số 24 chân, bà L tham gia 02 chân, hội kêu lúc 9 giờ ngày 19 âm lịch hàng tháng. Bà L hót đầu vào ngày 19/4/2016 âm lịch, bà đã giao tiền cho bà L xong. Đến tháng 8/2016 âm lịch bà L kêu hót hội chân thứ hai, bà đã giao tiền cho bà L xong. Bà L đã đóng tiền hội đến tháng 9/2016 âm lịch. Tính từ tháng 10/2016 đến khi mãn hội thì bà L còn phải đóng tiền hội chết là 18 tháng, tổng cộng 2 chân là 360.000.000 đồng. Bà đồng ý cho bà L trừ nợ một số người như bà Hai Nam số

tiền 100.000.000 đồng, bà Trang bán gạo 50.000.000 đồng, bà Linh bán ghe hàng 108.000.000 đồng. Còn lại số tiền 102.000.000 đồng bà L làm giấy nhận nợ đối với bà vào ngày 10/10/2016 âm lịch và hẹn mỗi tháng trả 3.000.000 đồng nhưng bà L trả được 8.090.000 đồng. Hiện nay bà L còn nợ lại số tiền 93.910.000 đồng, bà có đòi bà L nhiều lần nhưng bà L không trả nợ. Vì thời gian quá lâu nên bà yêu cầu tính lãi suất 1,6%/tháng từ ngày 10/10/2016 âm lịch đến tháng 02/2019 âm lịch là 29 tháng bằng 4.357.424 đồng. Tổng cộng bà yêu cầu bà L phải trả là 98.267.424 đồng.

Do quá trình chơi hụi, thiếu hụi, ông P là chồng của bà L có biết và hứa hẹn việc trả tiền hụi nên bà yêu cầu ông P cùng có trách nhiệm trả tiền hụi với bà L.

Tại phiên tòa, bà Lâm Ngọc T trình bày: Bà vẫn giữ yêu cầu khởi kiện đòi tiền hụi còn thiếu với bà L và ông P số tiền 93.910.000 đồng. Về phần tiền lãi bà yêu cầu tính lãi từ ngày nộp đơn khởi kiện đến ngày xét xử với lãi suất do Nhà nước quy định.

Đối với bị đơn bà Phạm Thị L và ông Lê Hoàng P Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà L cho rằng không nợ hụi bà T và từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án. Ông P từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án.

Từ nội dung vụ án nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Ngọc T đối với bà Phạm Thị L và ông Lê Hoàng P.

- Buộc bà Phạm Thị L và ông Lê Hoàng P trả cho bà Lâm Ngọc T tiền hụi còn thiếu số tiền 93.910.000 (Chín mươi ba triệu, chín trăm mười ngàn) đồng.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, bà L và ông P chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà T đối với bà L và ông P về tiền lãi số tiền 4.357.424 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/12/2019 bà Phạm Thị L có đơn kháng cáo và ngày 02/3/2020 bà Phạm Thị L kháng cáo bổ sung: Nội dung kháng cáo, bà L thừa nhận có chơi hụi bà T làm chủ. Bà L đóng và cần trừ nợ nhiều lần với số tiền 397.000.000 đồng. Cụ thể đóng từ ngày 19/5/2016 đến ngày 19/8/2016 là 04 tháng, mỗi tháng đóng 10.000.000 đồng = 40.000.000 đồng. Từ ngày 19/9/2016 đóng đến ngày 19/12/2016 đóng mỗi tháng 20.000.000 đồng = 80.000.000 đồng. Cần trừ tiền bà Hai Nam 100.000.000 đồng; tiền bà Linh Tùng: 108.000.000 đồng; tiền bà Trang gạo: 60.000.000 đồng.

Nay án sơ thẩm tiếp tục buộc bà trả 93.910.000 đồng, bà L không đồng ý. Bên cạnh đó, theo giấy hội bà hót thì bà T ghi 22 chân, nay bà T tính 24 chân là không đúng. Việc bà L chơi hội là nợ riêng không liên quan gì ông P.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Phạm Thị L giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị L, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 78/2019/DS-ST ngày 27-11-2019 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của bà Phạm Thị L. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Tòa sơ thẩm đã thụ lý đúng thẩm quyền và giải quyết đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Việc bà L chơi hội do bà T làm chủ đều được các bên xác định là thực tế có xảy ra. Vấn đề các bên tranh chấp đặt ra là nợ hội bà L hót đã đóng đủ và thanh toán đủ cho bà T hay chưa. Quá trình khởi kiện, bà T xác định bà L còn nợ bà T tiền hội, cụ thể: Vào ngày 16/4/2019 âm lịch bà T có mở dây hội loại hội 10.000.000 đồng/tháng, tổng số 24 chân, bà L tham gia 02 chân, hội kêu lúc 9 giờ ngày 19 âm lịch hàng tháng. Bà L hót hội đầu vào ngày 19/4/2016 âm lịch, bà T đã giao tiền cho bà L xong. Đến tháng 8/2016 âm lịch bà L kêu hót hội chân thứ hai, bà T đã giao tiền cho bà L xong. Bà L đã đóng tiền hội đến tháng 9/2016 âm lịch thì ngưng. Tính từ tháng 10/2016 đến khi mãn hội thì bà L còn phải đóng tiền hội chết là 18 tháng, tổng cộng 2 chân là 360.000.000 đồng. Thời điểm này bà T đồng ý cho bà L trừ nợ một số người như bà Hai Nam số tiền 100.000.000 đồng, bà Trang bán gạo 50.000.000 đồng, bà Linh bán ghe hàng 108.000.000 đồng (kèm theo biên nhận cản trừ bút lục số 02). Như vậy, số tiền bà L còn thiếu lại bà T là 102.000.000 đồng, bà L làm giấy nhận nợ đối với bà T vào ngày 10/10/2016 âm lịch (bút lục số 01), sau đó bà L trả được 8.090.000 đồng (bút lục số 02), nên bà T kiện bà L số tiền còn lại là 93.910.000 đồng và số tiền lãi phát sinh.

[3] Xét căn cứ kháng cáo của bà L, bà cho rằng bà không còn nợ gì đối với bà T. Tại phiên tòa phúc thẩm bà L cho rằng giấy nhận nợ ngày 10/10/2016 do bà L viết nhận nợ bà T số tiền 102.000.000 đồng, được viết sau khi đã đối trừ tiền bà L đã đóng hội, có cản trừ tiền từ bà Hai Nam số tiền 100.000.000 đồng, bà Trang bán gạo 50.000.000 đồng, bà Linh bán ghe hàng 108.000.000 đồng. Tuy nhiên, nay bà L cho rằng lúc viết giấy nhận nợ này bà L chưa kiểm tra kỹ, nay kiểm tra lại thì số tiền cản trừ bà Trang gạo là 60.000.000 đồng (chứ không phải 50.000.000 đồng); cũng như số chân hội là 22 chân chứ không phải 24 chân, nên bà T tính 24 chân là không đúng. Xét thấy, việc bà L và bà T cản trừ nợ thì theo biên nhận cũng được ghi số tiền bà Trang gạo là 50.000.000 đồng. Nay bà L đặt ra cản trừ 60.000.000 đồng

nhưng bà L không có gì chứng minh, nên lời trình bày này của bà L không được chấp nhận. Đối với dây hui bà T làm chủ hui, bà T xuất trình danh sách 24 chân hui có tên người chơi. Trình bày về việc hui 24 chân nhưng trong giấy hót hui đầu tiên bà L hót vào ngày 19/4/2016 thì bà T ghi 22 chân, bà T cho rằng sau khi bà L hót đầu thì dây hui này đã bổ sung thêm 02 chân nữa, nâng lên thành 24 chân, và bà T đã cân trừ đủ số tiền này cho bà L xong, thể hiện đến ngày 10/10/2016 các bên cũng đã có biên nhận chốt nợ, bà L nợ bà T 102.000.000 đồng, sau đó bà L trả được 8.090.000 đồng. Do khoản nợ của bà L với bà T diễn ra trong thời kỳ hôn nhân của bà L với ông P, nên án sơ thẩm tuyên buộc bà L, ông P cùng trả số tiền 93.910.000 đồng là phù hợp. Bà L kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh là không còn nợ, nên yêu cầu kháng cáo của bà L không được chấp nhận, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[4]Về án phí: Án phí sơ thẩm Bản án đã tuyên xử là phù hợp, nên cần được giữ nguyên. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bà Phạm Thị L không được chấp nhận, nên bà L phải chịu án phí 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu đối trừ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị L.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 78/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Ngọc T đối với bà Phạm Thị L và ông Lê Hoàng P. Buộc bà Phạm Thị L và ông Lê Hoàng P trả cho bà Lâm Ngọc T tiền hui còn thiếu số tiền 93.910.000 (Chín mươi ba triệu, chín trăm mười ngàn) đồng.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, bà L và ông P chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Lâm Ngọc T đối với bà Phạm Thị L và ông Lê Hoàng P về tiền lãi số tiền 4.357.424 đồng.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lâm Ngọc T phải chịu đối với yêu cầu không được chấp nhận là 300.000 đồng. Bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 2.456.000 (hai triệu, bốn trăm năm mươi sáu ngàn) đồng theo biên lai thu số 0004300 ngày 02/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu án phí. Hoàn trả bà Lâm Ngọc T số tiền 2.156.000 (Hai triệu, một trăm năm mươi sáu ngàn) đồng.

Bà Phạm Thị L và ông Lê Hoàng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 4.695.500 (Bốn triệu, sáu trăm chín mươi lăm ngàn, năm trăm) đồng.

Án phí phúc thẩm: Bà Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng, bà L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004763 ngày 23/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu đối trừ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- TAND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Út

